

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/DS-ST

Ngày: 06-9-2023

*“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Khôi

2. Bà Nguyễn Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023, về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kiều N, sinh năm 1963 “có mặt”.

Địa chỉ cư trú: thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Hà Ngọc L, sinh năm 1950 “vắng mặt”.

2.2. Bà Lê Ngọc X, sinh năm 1957 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Kiều N trình bày: Nguyên vào ngày 24/3/2020 bà có cho bà Lê Ngọc X và ông Hà Ngọc L vay số tiền 70.000.000đồng, có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời gian vay khi nào cần tiền yêu cầu bị đơn trả nợ, mục đích bị đơn vay dùng sinh hoạt trong gia đình,

làm ăn. Sau khi vay bị đơn không có trả vốn, đối với lãi trả được 12.600.000đồng rồi ngưng cho đến nay.

Ngày 29/9/2020 bà tiếp tục cho bà Lê Ngọc X và ông Hà Ngọc L vay số tiền 250.000.000đồng, có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời gian vay khi nào cần tiền yêu cầu bị đơn trả nợ, mục đích bị đơn vay sinh hoạt trong gia đình, làm ăn. Sau khi vay bị đơn không có trả vốn, lãi phần nào.

Đối với biên nhận ngày 29/9/2020 và biên nhận ngày 24/3/2020 nội dung 02 biên nhận có ghi có thể chấp quyền sử dụng đất nhưng chỉ tạo lòng tin, tin tưởng lẫn nhau, thực chất bị đơn không thể chấp quyền sử dụng đất, bà cũng không giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào hay giấy tờ gì của ông Hà Ngọc L, bà Lê Ngọc X.

Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X có nghĩa vụ trả cho bà:

1. Tiền vay của ngày vay 24/3/2020, vốn 70.000.000đồng, lãi 1%/tháng tính từ ngày 29/9/2020 đến ngày 24/3/2023.

2. Tiền vay của ngày vay 29/9/2020, vốn 250.000.000đồng, lãi 1%/tháng từ ngày 29/9/2020 đến ngày 29/3/2023 là 30 tháng, cụ thể 250.000.000đồng x 30 tháng bằng 75.000.000đồng. Tổng cộng vốn, lãi 325.000.000đồng.

Sau khi thụ lý đơn của bà N, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Lê Thị Kiều N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Riêng lãi suất cho vay ở 02 biên nhận là 3%/tháng.

Bị đơn ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X vắng mặt.

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ông L, bà X vắng mặt là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Kiều N.

Buộc ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kiều N số tiền vốn 320.000.000đồng, lãi 87.600.000đồng, tổng cộng 407.600.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nếu người phải thi hành án chưa trả xong số tiền trên thì phải trả thêm lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X có nghĩa vụ nộp 20.304.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị Kiều N khởi kiện yêu cầu ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X, cùng địa chỉ cư trú: số 49/5, khu 6, thị trấn, Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long trả số tiền vay còn nợ tổng cộng vốn, lãi là 407.600.000đồng. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Về người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X vắng mặt nhưng được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần mà vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Kiều N cho rằng có cho ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X vay 02 lần: vào ngày 24/3/2020 số tiền 70.000.000đồng, có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời gian vay khi nào cần tiền yêu cầu bị đơn trả nợ, mục đích bị đơn vay dùng sinh hoạt trong gia đình, làm ăn; Ngày 29/9/2020 bà N tiếp tục cho bà Lê Ngọc X và ông Hà Ngọc L vay số tiền 250.000.000đồng, có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời gian vay khi nào cần tiền yêu cầu bị đơn trả nợ, mục đích bị đơn vay sinh hoạt

trong gia đình, làm ăn; 02 lần vay tiền có biên nhận ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X có ký tên vào biên nhận do vậy sự việc vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn là thực tế có xảy ra.

Xét yêu cầu của bà N cho rằng lãi suất cho vay thỏa thuận bằng lời nói 3%/tháng trên số tiền vốn vay. Sau khi vay ông L, bà X có trả lãi của số tiền ngày vay 24/3/2020 được 06 tháng bằng 12.600.000đồng nên bà khởi kiện yêu cầu tính lãi theo lãi suất quy định của pháp luật là 1%/tháng của 02 biên nhận ngày 24/3/2020 và ngày 29/9/2020 là có căn cứ chấp nhận. Bởi, theo giấy biên nhận mặc dù không thể hiện lãi suất nhưng bà N cho rằng có thỏa thuận lãi bằng lời nói và theo đơn khởi kiện thể hiện vay có lãi. Ông L, bà X không có ý kiến gì về nội dung đơn khởi kiện đối với lãi suất cho vay. Chứng tỏ việc vay là có thỏa thuận lãi như nguyên đơn trình bày.

Xét yêu cầu của bà N về việc yêu cầu ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X trả số tiền vay ngày 24/3/2020 vốn 70.000.000đồng, lãi 1%/tháng tính từ ngày 29/9/2020 đến ngày 24/3/2023 nhưng bị đơn đã trả được 12.600.000đồng theo lãi suất 3%/tháng là cao so với quy định, bà N chỉ yêu cầu lãi suất 1%/tháng từ ngày vay là có lợi cho bị đơn nên cần điều chỉnh lãi suất lại như sau: Ngày 24/3/2020 đến ngày 24/3/2023 là 70.000.000đồng x 1%/tháng x 36 tháng bằng 25.200.000đồng khấu trừ số tiền lãi bị đơn đã trả 12.600.000đồng còn lại 12.600.000đồng và 70.000.000đồng tiền vốn, tổng cộng vốn, lãi là 82.600.000đồng.

Tiền vay ngày 29/9/2020 vốn 250.000.000đồng, lãi 1%/tháng từ ngày 29/9/2020 đến ngày 29/3/2023 là 30 tháng cụ thể: 250.000.000đồng x 1%/tháng x 30 tháng bằng 75.000.000đồng. Tổng cộng vốn, lãi 325.000.000đồng.

Tổng cộng tiền vay của ngày 24/3/2020 và ngày 29/9/2020 vốn 320.000.000đồng, lãi 87.600.000đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X trả số tiền vay của ngày 24/3/2020 và ngày 29/9/2020 tổng cộng vốn 320.000.000đồng, lãi 87.600.000đồng là có căn cứ chấp nhận. Bởi, sự việc vay nợ ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X có viết biên nhận nợ cho bà N, thể hiện rõ số tiền vay, ngày vay và ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X có ký tên xác nhận vào biên nhận nợ. Sau khi vay ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà N khởi kiện đòi lại số tiền vay. Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc kiện của bà N cho ông L, bà X nhưng ông L, bà X không trả lời bằng văn bản cho Tòa án. Từ đó, xét thấy sự việc vay nợ và chưa trả nợ này là có thật nên buộc ông L và bà X có nghĩa vụ trả nợ cho bà N số tiền vay tổng cộng vốn 320.000.000đồng, lãi 87.600.000đồng, tổng cộng 407.600.000đồng là có căn cứ phù hợp Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Xét việc vay nợ 02 biên nhận các bên có ghi có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà N trình bày chỉ ghi nhận làm lòng tin cho

các bên, bà N không có thể chấp quyền sử dụng đất và không giữ giấy tờ gì của ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X. Mặc khác Tòa án có Thông báo cho ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X về việc khởi kiện của nguyên đơn nhưng đến nay Tòa án chưa nhận được yêu cầu, ý kiến của bị đơn. Do vậy trường hợp có phát sinh tranh chấp có liên quan việc đòi lại quyền sử dụng đất thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X nộp toàn bộ 5% trên giá trị 407.600.000đồng x 5% bằng 20.380.000đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Kiều N.

Buộc ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kiều N số tiền 407.600.000đồng (Bốn trăm lẻ bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nếu người phải thi hành án chưa trả xong số tiền trên thì phải trả thêm lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Hà Ngọc L và bà Lê Ngọc X có nghĩa vụ nộp 20.380.000đồng (Hai mươi triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Chi cục Thi hành án huyện Trà Ôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Thạch Thị Tuyền